TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS- ST
Ngày 12-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lường Văn Hịa
2. Ông: Lò Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

Ngày 12/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST – DS ngày 18/6/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST -DS ngày 07/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Phạm Thị H; SN: 1968; Trú tại: SN X, tổ 9, phường N, TP.Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn:
1. Anh Hoàng Thanh Tr; SN: 1971 (có mặt)
2. Chị Trần Thị Ch; SN 1973 (vắng mặt có lý do)

Đều trú tại: Đội A, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Ngày 01/02/2016 chị Phạm Thị H có cho vợ chồng anh Hoàng Thanh Tr và chị Trần Thị Ch vay số tiền 500.000.0000đ (có giấy biên nhận vay tiền kèm theo). Lãi suất hai bên thỏa thuận là từ ngày 01 đến ngày 09 lãi suất là 0,3 %/ ngày, từ ngày thứ 10 trở

đi lãi suất là là 3%/tháng. Anh Tr và chị Ch hẹn trả số tiền trên vào ngày 01/4/2016. Nhưng anh Tr và chị Ch không thanh toán số tiền trên theo thỏa thuận. Nay chị H yêu cầu Tòa án buộc anh Tr và chị Ch phải thanh toán số tiền gốc đã vay là: 500.000.000đ và số tiền lãi đối với khoản nợ gốc tính từ ngày 01/2/2016 đến ngày 15/6/2018 là 28 tháng 15 ngày. Lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng là 11%/năm. Số tiền lãi đối với khoản nợ gốc là: 130.000.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi chị H yêu cầu anh Tr và chị Ch phải trả là: 630.000.000đ. Ngoài ra chị H không có đề nghị gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2018 bị đơn là anh Hoàng Thanh Tr và chị Trần Thị Ch trình bày:

Anh Tr và chị Ch thừa nhận ngày 01/02/2016 vợ chồng anh có vay của chị H số tiền 500.000.000đ. Thời hạn vay từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/4/2016 (02 tháng). Do điều kiện khó khăn anh Tr và chị Ch chưa thanh toán được cho chị H số tiền trên. Anh Tr và chị Ch không có ý kiến gì về khoản tiền gốc và lãi xuất mà chị H yêu cầu. Anh Tr và chị Ch chỉ xin không phải trả khoản tiền lãi 130.000.000đ.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/8/2018 nhưng hai bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên mở phiên tòa xét xử nhưng anh Tr xin hoãn phiên tòa; phiên tòa được mở lại vào ngày 12/10/2018, chị H, anh Tr có mặt, chị Ch đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1Điều 228/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

Tại phiên tòa chị H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác và có sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc anh Tr và chị Ch phải thanh toán cho chị H khoản tiền lãi từ ngày từ ngày 01/02 đến ngày 01/4/2016 lãi xuất là 11%/năm. Thời hạn tính lãi chị H bổ sung được tính từ ngày anh Tr và chị Ch vi phạm nghĩa vụ trả nợ 02/4/2016 đến ngày Tòa án xét xử. Lãi xuất quá hạn chị H sửa đổi được tính theo quy định của pháp luật là 9%/năm ngoài ra chị H không có đề nghị gì khác. Anh Tr không có yêu cầu phản tố và đồng ý việc chị H sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị H về việc yêu cầu anh Tr và chị Ch phải trả cho chị H 500.000.000đ tiền gốc và tiền lãi. Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là anh anh Hoàng Thanh Tr và chị Trần Thị Ch có địa chỉ ở: Đội A, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Hợp đồng vay tiền được chị H với anh Tr và chị Ch xác lập ngày 01/02/2016 ngày Bộ luật Dân sự 2005 có hiệu lực nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết.

[4]. Về thời hiệu: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 184/BLTTDS thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự. Hợp đồng vay tiền được chị H với anh Tr và chị Ch xác lập ngày 01/02/2016 ngày Bộ luật Dân sự 2005 có hiệu lực nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết.Theo quy định tại Điều 427/BLDS năm 2005 " thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân….. bị xâm phạm". Anh Tr và chị Ch hẹn trả số tiền trên vào ngày 01/4/2016 đến ngày 14/02/2018, anh Tr và chị Ch tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 06/3/2018 thanh toán số tiền trên nhưng anh Tr và chị Ch không thanh toán. Ngày 18/6/2018 chị H nộp khởi kiện tại TAND huyện Điện Biên nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền gốc và tiền lãi mà chị H yêu cầu.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị H:

[5.1]. Đối với yêu cầu trả khoản tiền gốc 500.000.000đ: Ngày 01/02/2016 chị H với anh Tr và chị Ch đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Nội dung anh Tr và chị Ch vay của chị H số tiền 500.000.000đ. Anh Tr và chị Ch hẹn trả số tiền trên vào ngày 01/4/2016. Đến ngày 14/02/2018 anh Tr và chị Ch tiếp tục viết giấy nhận nợ và hẹn đến ngày 06/3/2018 thanh toán. Nhưng anh Tr và chị Ch không thanh toán được số tiền như thỏa thuận. Tại bản tự khai ngày 07/8/2018 bị đơn là anh Hoàng Thanh Tr và chị Trần Thị Ch đều thừa nhận có vay của chị H số tiền 500.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 01/02/2016. Giữa các bên không có tranh chấp gì về việc ký kết hợp đồng, hợp đồng không vi phạm Điều 389; Điều 401; Điều 405/BLDS năm 2005. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92/BLTTDS năm 2015 hợp đồng vay tiền giữa chị H, anh Tr và chị Ch có hiệu lực kể từ ngày ký kết 01/02/2016. Do anh Tr và chị Ch đã không thực hiện việc thanh toán số tiền vay theo thỏa thuận nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Tr và chị Ch phải trả cho chị H số tiền gốc 500.000.000đ là có cơ sở và được Tòa chấp nhận.

[5.2]. Đối với yêu cầu trả lãi của số tiền gốc 500.000.000đ:

[5.2.1]. Trong hợp đồng vay tài sản ngày 01/02/2016 chị H với anh Tr và chị Ch đã thỏa thuận. Anh Tr và chị Ch vay của chị H số tiền 500.000.000đ. Lãi suất hai bên thỏa thuận là từ ngày 01 đến ngày 09 lãi suất là 0,3 %/ ngày, từ ngày thứ 10 trở đi lãi suất là là 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2018, chị H thay đổi về mức lãi xuất yêu cầu anh Tr và chị Ch phải thanh toán tiền lãi trong hạn của nợ gốc là 11%/năm. Trước phiên tòa chị H bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện buộc anh Tr và chị Ch phải thanh toán cho chị H khoản tiền lãi quá hạn từ ngày

02/04/2016 đến ngày Tòa án xét xử 12/10/2018; lãi xuất quá hạn chị H sửa đổi theo quy định của pháp luật là 9%/năm việc bổ sung, sửa đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244/BLTTDS và anh Tr cũng không có ý kiến gì do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2.2]. Đối với khoản lãi trong hạn trên nợ gốc 500.000.00đ: Mức lãi suất đối với khoản tiền lãi chị H yêu cầu là 11%/năm. Tại Khoản 1 Điều 476/BLDS năm 2005 quy định " lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng". Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Như vậy mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá (9%/năm x 150% = 13,5%/năm = 1,125%/tháng). Như vậy việc chị H yêu cầu anh Tr và chị Ch phải thanh toán tiền lãi với mức 11%/năm (11%/năm : 12 tháng = 0,91%/tháng) là nằm trong hạn mức cho phép của pháp luật do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi xuất chị H yêu cầu để tính lãi trong hạn cho khoản tiền vay 500.000.000đ.

Số tiền lãi trong hạn trên nợ gốc anh Tr và chị Ch phải trả cho chị H từ ngày 01/02/2016 đến ngày 01/4/2016 là: 9.100.000đ (500.000.000đ x 0,91 x 2 tháng = 9.100.000đ).

[5.2.3]. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 474/BLDS năm 2005; "Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời vay tại thời điểm trả nợ". Lãi xuất quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời vay tại thời điểm trả nợ được tính là 9%/năm như đã nêu ở trên. Chị H yêu cầu tính lãi xuất quá hạn là 9%/năm phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 474/BLDS năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi nợ quá hạn tính từ ngày 02/4/2016 đến ngày Tòa án xét xử 12/10/2108 là 02 năm 06 tháng 10 ngày cụ thể là:

Số tiền lãi của 02 năm là: 110.000.000đ (500.000.000đ x 9%/năm x 2 = 90.000.000đ);

Số tiền lãi của 06 tháng là: 27.300.000đ (500.000.000đ x 0,75%/tháng x 06 tháng = 22.500.000đ).

Số tiền lãi của 10 ngày là: 1.516.666đ (500.000.000đ x 0,75%/tháng : 30 x 10 ngày = 1.250.000đ).

Số tiền lãi quá hạn từ ngày 02/4/2016 đến ngày Tòa án xét xử 12/10/2108 là: 113.750.000đ (90.000.000đ + 22.500.000đ + 1.250.000đ = 113.750.000đ).

[5.2.4]. Tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi nợ quá hạn trên nợ gốc anh Tr và chị Ch phải thanh toán cho chị H là: 122.850.000đ (9.100.000đ+ 113.750.000đ) = 122.850.000đ)

[5.2.5]. Số tiền gốc và lãi anh Tr và chị Ch phải thanh toán cho chị H là: 622.850.000đ (500.000.000đ + 122.850.000đ = 622.850.000đ)

Anh Tr và chị Ch là vợ chồng cùng đứng ra vay tiền của chị H nên anh Tr và chị Ch đều phải có trách nhiệm ngang nhau trong việc thanh toán số tiền gốc và lãi cho chị H.

[6]. Xét đề nghị của anh Tr và chị Ch.

Anh Tr và chị Ch đồng ý trả số tiền gốc 500.000.000đ cho chị H tuy nhiên anh Tr và chị Ch đều xin không phải thanh toán số tiền lãi 130.000.000đ như yêu cầu của chị H. Đề nghị này của anh Tr và chị Ch không được chị H đồng ý mặt khác yêu cầu của chị H về việc anh Tr và chị Ch phải thanh toán tiền lãi là có cơ sở và cần được chấp nhận. Nên Tòa án không có căn cứ để xem xét đề nghị của anh Tr và chị Ch.

[7]. Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị H không phải chịu án phí dân sự. Trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 15.750.000đ.

- Anh Tr và chị Ch phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 28.914.000đ [20.000.000đ + (622.850.000đ - 400.000.000đ) x 4% = 28.914.000đ]

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 427; Khoản 1 Điều 228/BLTTDS; Khoản 1 Điều 244/BLTTDS năm 2015.

Căn cứ vào Điều Điều 389; Điều 401; Điều 405; Khoản 5 Điều 474; Khoản 1 Điều 476/BLDS năm 2005

Căn cứ Khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H

1. Buộc anh Hoàng Thanh Tr và chị Trần Thị Ch phải trả cho Phạm Thị H các khoản tiền sau:

- Số tiền gốc: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)

- Số tiền lãi trong hạn là: 9.100.000đ (Chín triệu một trăm nghìn đồng)

- Số tiền lãi quá hạn: 113.750.000đ (Một trăm mười ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)

- Tổng số tiền gốc và lãi anh Tr và chị Ch phải trả cho chị H là: 622.850.000đ (Sáu trăm hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Tr và chị H không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền gốc phải trả cho chị H thì anh Tr và chị Ch phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST.

2.1. Anh Tr và chị Ch cùng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 28.914.000đ

2.2. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị H số tiền 15.750.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002831, ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/10/2018. chị Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *VKSND huyện Điện Biên;*
- *Chi cục THSDS huyện Điện Biên;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đỗ Thu Hương